

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 24/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Huệ

2. Ông Đào Minh Phần

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2017/TLST-DS ngày 24/10/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐ- ST ngày 04/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã H, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TL, xã TH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày như sau:

Ngày 01/4/2017 bà cho bà Nguyễn Thị Kim C vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01/5/2017 bà C sẽ thanh toán cho bà. Trong giấy vay tiền, không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói mức lãi suất là 3%/tháng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng bà C không trả. Nay bà yêu cầu tòa án buộc bà C phải trả lại cho bà khoản nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi tính theo lãi suất do Nhà nước quy định là 1,6%/ tháng, tính từ ngày 01/4/2017 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C: Mặc dù đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 60/2017/TB-TLVA ngày 24/10/2017 nhưng bà C không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án cũng như không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra Tòa án đã niêm yết hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên bà C vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Bà C cũng không có ý kiến gì về chứng cứ do bên nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà C vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã niêm yết hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bà C đến lần thứ hai nhưng bà C vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Quá trình tham gia tố tụng, bà L yêu cầu bà C trả số tiền đã vay và yêu cầu tính lãi. Do đó đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 463, điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà C phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất do Nhà nước quy định là 1,6%/ tháng, tính từ ngày 01/4/2017 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại giấy vay tiền không thể hiện rõ lãi suất vay, tuy nhiên nội dung trong giấy vay tiền thể hiện đây là các khoản vay có thời hạn, bà C không thực hiện đúng cam kết về thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 01/4/2017. Căn cứ vào điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468. Khoản 1 điều 468 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Bà L yêu cầu tính lãi suất 1,6%/ tháng = 19,2%/năm (<20%/năm). Xét yêu cầu của bà L là phù hợp với qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận, cụ thể số tiền lãi: $40.000.000đ \times 1,6\%/tháng \times (12+23/30) tháng = 8.166.000 đồng$ (đã làm tròn số)

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Cụ thể bà C vắng mặt từ lúc thụ lý cho đến nay mà không có lý do chính đáng, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà L số tiền

40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2017 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất do nhà nước quy định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.408.000 đồng (đã làm tròn số) cụ thể (48.166.000 đồng x 5%), hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 40.000.000 đ (*Bốn mươi triệu*) đồng nợ gốc và 8.166.000đ (*Tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) nợ lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 2.408.000 đ (*Hai triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0012042 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NH.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án sơ thẩm xử công khai có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

Thành viên Hội Đồng Xét Xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Huệ Đào Minh Phần

Trần Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

